TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HC-PT
Ngày: 01-3-2019
V/v khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Tồn.**

Ông **Võ Ngọc Thông.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 124/2017/TLPT-HC ngày 29-12-2017 về "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2017/HC-ST ngày 15-11-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1242/2019/QĐ-PT ngày 12-02-2019, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* **Công ty X.**

Địa chỉ: số Hong Kong.

Người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện: Ông **Nguyễn Đức T**, Giám đốc Công ty X; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Đặng Văn T1**; địa chỉ cư trú: Thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền số công chứng 02311, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03-7-2017 tại Văn phòng Công chứng H), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người người khởi kiện:

Luật sư **Lê T** - Công ty Luật TNHH L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Người bị kiện: **Phòng Đăng ký kinh doanh** - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Huỳnh Thị Mỹ N** - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ trụ sở: tỉnh Quảng Nam, vắng mặt (có đơn xin hoãn phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C; địa chỉ Công ty: tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Thành Đ**, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Tại Giấy ủy quyền ngày 07-8-2017, ông Nguyễn Thành Đ ủy quyền cho ông Nguyễn Đức Đ1; địa chỉ cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Giấy ủy quyền ngày 05-7-2018, ông Nguyễn Thành Đ ủy quyền cho ông Mai Quốc V; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng; ông V có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-8-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 20-6-2017, Phòng Đăng ký kinh doanh (sau đây viết tắt là Phòng ĐKKD), thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp (sau đây viết tắt là ĐKDN) thay đổi lần thứ 10 cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C (sau đây viết tắt là Công ty C) với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Đức T, Chức danh Tổng Giám đốc sang ông Nguyễn Thành Đ, Chức danh Tổng Giám đốc. Tiếp đó, ngày 21-6-2017, Phòng ĐKKD đã đăng tải Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu của Công ty C lên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia do ông Nguyễn Thành Đ ký, với nội dung thay đổi mẫu con dấu, do con dấu cũ bị mất. Tuy nhiên, trên thực tế những nội dung thay đổi nêu trên chưa được Đại hội đồng cổ đông cũng như Hội đồng quản trị (sau đây viết tắt là HĐQT) Công ty C thông qua, con dấu của Công ty C vẫn do ông Nguyễn Đức T quản lý, sử dụng và lưu giữ tại trụ sở Công ty C theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty C (được toàn thể nhân viên của Công ty C xác nhận tại biên bản họp nhân viên).

Phòng ĐKKD cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C không đúng quy định pháp luật, vì hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần 10 của Công ty C là không hợp lệ, cụ thể:

- Hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty C không có Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần 10 mà Công ty nộp cho Phòng ĐKKD chỉ cung cấp Biên bản họp và Quyết định của HĐQT về việc bãi nhiệm Tổng Giám đốc cũ và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới. Như vậy, Phòng ĐKKD đã vi phạm điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 của Chính phủ. Theo quy định, hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật phải gửi kèm Quyết định và bản sao hợp lệ Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật làm thay đổi nội dung Điều lệ Công ty.

- Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp, điều kiện tổ chức và thành phần tham gia

dự cuộc họp của HĐQT vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

+ Thông báo mời họp của Chủ tịch HĐQT Công ty C chỉ gửi về địa chỉ Công ty mà không gửi về địa chỉ thường trú mà thành viên HĐQT Nguyễn Đức T đã đăng ký với Công ty.

+ Cuộc họp HĐQT ngày 09-5-2017 ghi nhận sai thành viên HĐQT dự họp và không đủ điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp cũng như Điều lệ Công ty. Việc ông Nguyễn Đức Đ1 dự họp, biểu quyết và ký tên với tư cách thành viên HĐQT khi chưa được Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu là vi phạm nghiêm trọng các quy định của công ty.

+ Việc triệu tập họp của Chủ tịch HĐQT Công ty không tuân thủ quy định về thời hạn triệu tập, phương thức gửi Thông báo triệu tập họp đến các thành viên HĐQT. Theo quy định tại khoản 8 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì việc triệu tập họp của ông Nguyễn Thành Đ - Chủ tịch HĐQT Công ty đã vi phạm quy định về thời hạn triệu tập các cuộc họp; do đó, cuộc họp HĐQT ngày 09-5-2017 là cuộc họp bất thường được triệu tập và tổ chức lần đầu. Căn cứ khoản 8 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 12.6 Điều lệ Công ty thì cuộc họp ngày 09-5-2017 của HĐQT Công ty C là không hợp lệ.

+ Hồ sơ ông Nguyễn Thành Đ nộp tại Phòng Đăng ký kinh doanh không có bất kỳ tài liệu nào được đóng dấu của Công ty. Ông Nguyễn Thành Đ khai con dấu của Công ty bị chiếm đoạt và bị mất, nhưng thực tế con dấu của Công ty đang được lưu giữ và sử dụng tại Công ty C.

- Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trái với quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Cuộc họp HĐQT được tổ chức vào ngày 09-5-2017 nhưng đến ngày 19-6-2017, Công ty mới nộp hồ sơ thay đổi đến Phòng ĐKKD. Theo quy định, thì Doanh nghiệp phải bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 50/2016/NĐ-CP của Chính phủ, nhưng Phòng ĐKKD vẫn chấp nhận hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10 cho Công ty C.

Như vậy, hành vi căn cứ vào hồ sơ có các vi phạm như đã nêu trên để cấp Giấy chứng nhận ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C ngày 20-6-2017 của Phòng đăng ký Kinh doanh, thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của cổ đông Công ty C. Do đó, Công ty X, với tư cách là một cổ đông của Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) lần thứ 10 ngày 20-6-2017 của Công ty C và khôi phục lại Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 ngày 31-3-2017.

Người bị kiện (Bà Huỳnh Thị Mỹ N là người đại diện theo pháp luật) trình bày:

- Về hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp:

Ngày 20-6-2017, Phòng ĐKKD đã cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C, có nội dung: thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty C từ ông Nguyễn Đức T, Chức danh Tổng Giám đốc sang ông Nguyễn Thành Đ, Chức danh Tổng Giám đốc. Hồ sơ đăng ký thay đổi gồm:

+ Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật số 03/NQ-HĐQT-G ngày

19-6-2017 của Công ty C.

+ Quyết định số 03/NQ-HĐQT-G ngày 09-5-2017 của HĐQT Công ty C.

+ Biên bản họp HĐQT (lần 3) số 03/BB-HĐQT-G ngày 09-5-2017 của HĐQT Công ty C.

+ Bản sao hộ chiếu số GK 889507 của ông Nguyễn Thành Đ.

Hồ sơ đăng ký thay đổi nêu trên đúng quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp và mục 13.2 (trang 19) Điều lệ Công ty C (năm 2009).

- Về việc đăng ký thông tin Cổ đông của Công ty C:

Tra cứu hồ sơ đăng ký lần đầu ngày 30-11-2006 đến hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20-6-2017 của Công ty C, không có thông tin về cổ đông Công ty X (Ư) đăng ký tại Phòng ĐKKD - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

+ Theo quy định tại khoản 4 Điều 86 của Luật Doanh nghiệp năm 2005, thì Công ty C đã không thực hiện việc đăng ký cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên (đối với trường hợp của cổ đông Công ty W) với Phòng ĐKKD.

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Luật Doanh nghiệp năm 2014, thì việc thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong Công ty Cổ phần chưa niêm yết thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Đến nay, Công ty C chưa thực hiện việc đăng ký thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài với Phòng ĐKKD theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Như vậy, Công ty W không đủ điều kiện khởi kiện Phòng ĐKKD theo quy định của Luật Doanh nghiệp, vì không thực hiện đăng ký cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên và thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài với Phòng ĐKKD; đơn khởi kiện vụ án hành chính không nêu đúng chủ thể bị kiện; đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ cho cơ quan Công an để giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T hoặc mời ông T đến Tòa án để xác nhận vì nghi ngờ Giấy ủy quyền ngày 03-7-2017 của ông Nguyễn Đức T ủy quyền cho ông Đặng Văn T1 là không phải do ông T ký và Giấy ủy quyền thực hiện không đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Đức Đ1 là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Tại Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông Công ty C ngày 29-6-2013, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thiều N và ông Nguyễn Anh T2 đã đồng ý từ nhiệm ra khỏi HĐQT, còn ông (Nguyễn Đức Đ1) không từ nhiệm và tại Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông ngày 01-7-2013, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thiều N và ông Nguyễn Anh T2 đã được miễn nhiệm thành viên HĐQT. Các cổ đông còn lại vẫn tiến hành bầu thành viên HĐQT, trong đó có ông. Như vậy, sau cuộc họp ngày 01-7-2013, ông vẫn dự họp HĐQT của Công ty C, nên ông vẫn là thành viên HĐQT từ ngày 01-7-2013 đến nay. Ông Nguyễn Đức T lợi dụng ông vắng mặt tại Đại hội đồng Cổ đông, nên không ghi tên ông trong danh sách đã bầu thành viên HĐQT.

Sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông Công ty C bầu giữ Chức vụ Tổng Giám đốc, ông Nguyễn Thành Đ đã làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận ĐKDN và ngày

20-6-2017, được Phòng ĐKKD, thuộc Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C, theo đó ông Nguyễn Thành Đ - Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Sau đó, Công ty thay đổi con dấu mới, với lý do ông Nguyễn Đức T (Tổng Giám đốc cũ) đã giao con dấu cũ cho bà Lê Thị Tuyết M giữ. Công ty đã yêu cầu bà M giao con dấu để đóng vào các văn bản thuộc quyền của HĐQT, nhưng bà M không giao.

Căn cứ khoản 2 Điều 15 Nghị định số 96/NĐ-CP ngày 19-10-2015 và Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01-7-2016 của Chính phủ, ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu bà Lê Thị Tuyết M giao con dấu cũ để nộp lại cho Cơ quan Công an, nhưng bà M không giao con dấu cũ để nộp lại. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét con dấu cũ cũng là con dấu thật, nhưng hiện nay không còn giá trị sử dụng vì mã số doanh nghiệp và số của mã số thuế của con dấu này khác nhau. Hiện nay Công ty đã có con dấu mới, do đó nếu ông Nguyễn Đức T mạo danh Tổng Giám đốc và vẫn sử dụng con dấu cũ này là vi phạm pháp luật.

Ngoài ra, ông đề nghị giám định sức khỏe của ông Nguyễn Đức T, vì ông T bị xuất huyết não, bị mất năng lực hành vi dân sự, nên không thể thực hiện việc ủy quyền cho ông Đặng Văn T1; đề nghị giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T tại Biên bản họp ngày 01-7-2013 của Đại hội đồng cổ đông Công ty C, "Đơn khởi kiện" ngày 01-7-2017, "Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện" ngày 10-7-2017 và "Giấy ủy quyền" ngày 03-7-2017, vì các chữ ký tại các tài liệu này không phải của ông Nguyễn Đức T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

- Về việc giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T:

Tại khoản 3 Điều 5 Luật Công chứng năm 2014 quy định: *"Hợp đồng, giao dịch được công chứng có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu*". Văn bản ủy quyền ngày 03-7-2017 của ông Nguyễn Đức T được lập và công chứng tại Văn phòng Công chứng H, nên có giá trị pháp lý và không cần chứng minh.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05-12-2011 của Chính phủ thì: *"Hợp pháp hóa lãnh sự là việc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chứng nhận con dấu, chữ ký, chức danh trên giấy tờ, tài liệu của nước ngoài để giấy tờ, tài liệu đó được công nhận và sử dụng tại Việt Nam"*. Công ty W đã cung cấp cho Tòa án các hồ sơ pháp lý đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo đúng quy định của pháp luật; ngoài ra, ngày 05-10-2017, ông Nguyễn Đức T đã xác nhận việc ủy quyền và được hợp pháp hóa lãnh sự, chứng thực chữ ký.

Vì vậy, việc giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T là không cần thiết.

- Về tư cách Cổ đông của Công ty X (Ư):

Công ty X (Ư) nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần đầu tư M và của ông Nguyễn Anh T2 vào năm 2013. Tại thời điểm Công ty W nhận chuyển nhượng cổ phần thì Luật Doanh nghiệp 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành đang có hiệu lực pháp luật.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 thì: *"Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh,*

các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ". Do đó, sau ba năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận ĐKDN, thì Cổ đông Công ty Cổ phần đầu tư M chuyển nhượng cổ phần cho Công ty W là đúng quy định pháp luật.

Tại khoản 5 Điều 87 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định: *"Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông"*. Như vậy, thời điểm bên nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty chính là thời điểm quyền sở hữu cổ phần chính thức thuộc về bên nhận chuyển nhượng, đồng thời bên nhận chuyển nhượng chính thức là cổ đông của Công ty. Trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty C đã ghi nhận cổ đông là Công ty W chiếm 49% cổ phần của Công ty C.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế kèm theo Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18-6-2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn mua cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài trong các Doanh nghiệp Việt Nam và theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 131/TT-BTC hướng dẫn Quy chế góp vốn mua cổ phần quy định các hình thức mua cổ phần, thì Công ty W đã đáp ứng đủ các điều kiện để mua cổ phần và trở thành cổ đông của Công ty C như: mua loại cổ phần đã được tự do chuyển nhượng, đã giao dịch chuyển nhượng cổ phần thông qua tài khoản vốn đầu tư mở tại Ngân hàng D - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương chứng minh tư cách pháp lý do Cơ quan có thẩm quyền nước sở tại cấp và được Đại Hội đồng cổ đông chấp nhận. Do đó, Công ty W có đầy đủ tư cách khởi kiện và tư cách cổ đông của Công ty C để thực hiện việc khởi kiện Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam.

Tại Biên bản họp kèm theo Quyết định số 061/07-2013/CV ngày 01-7-2013 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty C đã thể hiện rõ việc Công ty W nhận chuyển nhượng cổ phần để trở thành cổ đông của Công ty C. Đồng thời, giao cho người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thành Đ thực hiện các thủ tục thông báo tới Phòng ĐKKD. Việc ông Nguyễn Thành Đ không thực hiện việc đăng ký cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên đối với cổ đông Công ty W với Phòng ĐKKD là vi phạm của ông Nguyễn Thành Đ. Mặt khác, tại các Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông Công ty C ngày 17-3-2014 để tiến hành thủ tục thay đổi nội dung Giấy chứng nhận ĐKDN của Công ty năm 2014 nộp tại Phòng ĐKKD đã thể hiện cổ đông là Công ty W sở hữu 49% vốn điều lệ của Công ty. Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào Biên bản họp này để cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi. Do đó, Phòng ĐKKD đã biết Công ty W là cổ đông của Công ty C.

- Về việc cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 ngày 20-6-2017:

Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 ngày 20-6-2017 cho Công ty C có những vi phạm như sau: Hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty C không có Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp, điều kiện tổ chức và thành phần tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị vi phạm quy định

của pháp luật và Điều lệ Công ty; thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trái với quy định của pháp luật.

Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, tuyên hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10 ngày 20-6-2017 của Công ty C và buộc khôi phục lại Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần 9 ngày 31-3-2017 của Công ty C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2017/HCST ngày 15-11-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Điều 84, Điều 87 của Luật doanh nghiệp năm 2005; Điều 153, Điều 154 của Luật doanh nghiệp năm 2014.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 43, Điều 52 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 về đăng ký doanh nghiệp.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Công ty X, tuyên xử:

+ Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 4000450817, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20-6-2017 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C và buộc khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 4000450817, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 31-3-2017 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch Vụ C.

+ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 14-7-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tiếp tục có hiệu lực cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật và có Quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 16-11-2017, ông Nguyễn Đức Đ1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án.

- Ngày 27-11-2017, Người bị kiện là Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch Đầu tư kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa, người bị kiện đồng thời là người kháng cáo vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, vì: người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty X không đủ sức khỏe để điều hành Công ty, do đó HĐQT quyết định thay đổi người đại diện theo pháp luật là đúng; người khởi kiện không đủ tư cách khởi kiện; ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để Công ty C tiếp tục hoạt động.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10 ngày 20-6-2017 của Công ty C và buộc khôi phục lại Giấy chứng nhận ĐKDN

thay đổi lần 9 ngày 31-3-2017 của Công ty C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm d khoản 1 Điều 229; khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với kháng cáo của người bị kiện, với lý do đây là phiên tòa lần thứ ba; mặc dù, người kháng cáo có đơn xin hoãn phiên tòa, nhưng lý do xin hoãn không hợp lệ; đồng thời, đề nghị bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông Công ty C bầu giữ Chức vụ Tổng Giám đốc, ông Nguyễn Thành Đ đã làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và ngày 20-6-2017, Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Đức T, Chức danh Tổng Giám đốc sang ông Nguyễn Thành Đ, Chức danh Tổng Giám đốc.

Cho rằng Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của cổ đông Công ty C. Do đó, Công ty X, với tư cách là một cổ đông của Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 10 ngày 20-6-2017 của Công ty C và buộc khôi phục lại Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần 9 ngày 31-3-2017 và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

Do không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, người bị kiện (Phòng ĐKKD) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của người bị kiện (Phòng ĐKKD, thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam):

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện kháng cáo và đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng có đơn xin hoãn phiên tòa. Đối với lần triệu tập thứ ba, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do "Bận công tác đột xuất". Xét thấy, lý do của việc xin hoãn phiên tòa lần thứ ba là không hợp lệ; do đó, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của người bị kiện.

[3]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[3.1]. Về tố tụng:

- Về thời hiệu, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 20-6-2017, Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam đã thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận ĐKDN, mã số doanh nghiệp 4000450817, đăng ký thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C. Ngày 05-7-2017, Công ty X (U) khởi kiện, yêu cầu xem xét hành vi cấp Giấy chứng nhận ĐKDN đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20-6-2017 cho Công ty C của Phòng ĐKKD, đề nghị tuyên hủy Giấy chứng nhận

ĐKDN lần thứ 10 nêu trên; buộc khôi phục lại Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần 9 ngày 31-3-2017 là còn trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 30, khoản 3 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

- Về tư cách tham gia tố tụng:

+ Đối với người khởi kiện (ông Nguyễn Đức T):

Tại Bản dịch Văn bản công chứng đã được hợp pháp hóa lãnh sự (bút lục số 272) thể hiện: Công ty X (Ư) có đăng ký doanh nghiệp tại Hồng Kông và Giấy đăng ký doanh nghiệp có hiệu lực đến ngày 28-11-2017, ông Nguyễn Đức T là Giám đốc Công ty và là cổ đông duy nhất của Công ty. Do đó, ông Nguyễn Đức T đại diện cho Công ty W thực hiện quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty là đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với người bị kiện (Phòng ĐKKD):

Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh được quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký doanh nghiệp và người đứng đầu đơn vị này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi cấp giấy chứng nhận theo thẩm quyền của mình. Bà Huỳnh Thị Mỹ N là Trưởng phòng, đồng thời là người ký Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 4000450817, đăng ký thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Huỳnh Thị Mỹ N là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là đúng quy định tại khoản 9 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính.

- Về tư cách cổ đông của Công ty X (Ư):

Công ty W nhận chuyển nhượng 3.200.000 cổ phần (40% cổ phần) của Công ty cổ phần M theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 14-6-2013 và nhận chuyển nhượng 720.000 cổ phần (9% cổ phần) từ ông Nguyễn Anh T2 theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 14-6-2013.

Theo Sổ đăng ký cổ đông số 062/07-2013/CV ngày 01-7-2013 của Công ty C do ông Nguyễn Thành Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký, đóng dấu, có chữ ký của các cổ đông, thì Công ty C đã ghi nhận cổ đông là Công ty W chiếm 49% cổ phần của Công ty C (bút lục số 31).

Công ty W nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần M và ông Nguyễn Anh T2 vào năm 2013 và tại thời điểm này Luật Doanh nghiệp năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành đang có hiệu lực pháp luật.

Tại khoản 4 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định: *"Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ"*. Như vậy, sau ba năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thì cổ đông Công ty Cổ phần M chuyển nhượng cổ phần cho Công ty W là đúng quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 thì: *"Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 86 của Luật này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty"* và tại khoản 5 Điều 87 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định: *"Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ*

chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông".

Như vậy, Công ty W nhận chuyển nhượng 49 % cổ phần từ Công ty Cổ phần M và từ ông Nguyễn Anh T2 là tuân thủ đúng, đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp về mua bán cổ phần. Tuy nhiên, sau khi Công ty W nhận chuyển nhượng cổ phần, Công ty C chưa thực hiện thông báo về thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong Công ty cổ phần chưa niêm yết là vi phạm Điều 52 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, nhưng hành vi này không làm mất tư cách cổ đông của Công ty W.

- Về việc yêu cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T:

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29-9-2017, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T, vì cho rằng ông T bị tai biến, nên mất năng lực hành vi dân sự, do đó nghi ngờ các chữ ký trên "Đơn khởi kiện" ngày 01-7-2017, "Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện" ngày 10-7-2017 và "Giấy ủy quyền" ngày 03-7-2017 không phải là chữ ký của ông T. Để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của đương sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ là thực hiện đúng quy định tại Điều 187 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Sau khi xác minh, thu thập chứng cứ, thì tại "Đơn trình bày" ngày 05-10-2017, ông Nguyễn Đức T khẳng định ông có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và xác nhận đã thực hiện việc ủy quyền cho ông Đặng Văn T1 vào ngày 03-7-2017, dưới sự chứng kiến của Công chứng viên của Văn phòng Công chứng H; đồng thời, văn bản này đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và tại Biên bản xác minh ngày 13-10-2017, Công chứng viên (Nguyễn Văn H) thuộc Văn phòng Công chứng H khẳng định ông Nguyễn Đức T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ông T có mặt tại Văn phòng Công chứng H khi thực hiện việc công chứng giấy ủy quyền cho ông Đặng Văn T1. Xét thấy, việc giám định cữ ký của ông Nguyễn Đức T là không cần thiết; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định trưng cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T là có cơ sở.

- Về việc đề nghị giám định sức khỏe của ông Nguyễn Đức T:

Ông Nguyễn Đức Đ1 cho rằng ông Nguyễn Đức T hiện nay đang bị bệnh về xuất huyết não, nên không có năng lực hành vi dân sự (ông Đoàn cung cấp hồ sơ bệnh án của ông Nguyễn Đức T). Tòa án cấp sơ thẩm xác định, tại "Đơn trình bày" đề ngày 05-10-2017, ông Nguyễn Đức T đã xác nhận ông có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và xác nhận đã thực hiện việc ủy quyền cho ông Đặng Văn T1 (văn bản này đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo đúng quy định pháp luật); ngoài ra, hồ sơ bệnh án do ông Nguyễn Đức Đ1 cung cấp thể hiện ông Nguyễn Đức T đã ra viện ngày 14-7-2015 (trước khi khởi kiện 02 năm). Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đề nghị của ông Nguyễn Đức Đ1 là có căn cứ.

- Về việc giám định các Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông ngày 01-7-2013:

Ông Nguyễn Đức Đ1 cho rằng tại hồ sơ lưu của Công ty C hiện nay có 02 Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông cùng ngày 01-7-2013, nên nghi ngờ có sự giả dối,

làm giả tài liệu hồ sơ Công ty. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc đề nghị giám định các Biên bản họp không thuộc phạm vi giải quyết vụ án này, do đó không chấp nhận đề nghị của ông Đoàn là đúng pháp luật.

[3.2]. Về nội dung:

- Xét hồ sơ đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 10 của Công ty C về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật:

Hồ sơ đăng ký thay đổi cấp Giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 10 gồm: Biên bản họp Hội đồng quản trị (lần 3) số 03/BB-HĐQT-G ngày 09-5-2017 của HĐQT Công ty C; Quyết định số 03/NQ-HĐQT-G ngày 09-5-2017 của HĐQT Công ty C; Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật số 03/NQ-HĐQT-G ngày 19-6-2017 của Công ty C và bản sao Hộ chiếu số GK 889507 của ông Nguyễn Thành Đ.

+ Về Biên bản họp Hội đồng quản trị (lần 3) số 03/BB-HĐQT-G ngày 09-5-2017 của HĐQT Công ty C:

Tại phần I của Biên bản họp ghi về thành phần tham dự có ông Nguyễn Đức Đ1 - Ủy viên Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, tại Quyết định số l/07-2013/CV ngày 01-7-2013 của Đại hội đồng cổ đông Công ty C đã bầu HĐQT cho nhiệm kỳ năm 2013-2018 chỉ có 3 thành viên là ông Nguyễn Thành Đ - Chủ tịch HĐQT, bà M Mowrey - Ủy viên HĐQT, ông Nguyễn Đức T - Ủy viên HĐQT (bút lục 394); đồng thời, theo quy định tại Điều 12 Điều lệ Công ty thì thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu và nếu trong HĐQT có chỗ khuyết, thì Đại hội đồng cổ đông sẽ bổ nhiệm thành viên thay thế trong nhiệm kỳ của thành viên còn khuyết. Như vậy, việc ông Nguyễn Đức Đ1 tham dự cuộc họp với tư cách ủy viên HĐQT khi chưa được Đại hồi đồng cổ đông bầu là không đúng về thành viên HĐQT tham dự cuộc họp của HĐQT.

Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp được chứng cứ để chứng minh tại thời điểm họp HĐQT ngày 09-5-2017, ông Nguyễn Đức Đ1 đã được bầu là thành viên HĐQT của Công ty C. Do đó, việc ông Đoàn tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị (lần 3) ngày 09-5-2017 của Công ty C với tư cách thành viên HĐQT là không phù hợp, nên việc ông Đoàn thực hiện việc biểu quyết tại cuộc họp HĐQT không có giá trị và Biên bản cuộc họp HĐQT ngày 09-5-2017 của Công ty C là không đúng quy định tại Điều 153 và Điều 154 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

+ Về trình tự, thời hạn triệu tập các cuộc họp HĐQT của Công ty C:

Tại Biên bản họp HĐQT ngày 09-5-2017 của Công ty C lần 3 (bút lục số 407), thể hiện: *"Công ty đã gửi các thành viên HĐQT Thư mời họp HĐQT lần 01 ngày 27-02-2017, nội dung thư mời họp vào ngày 15-3-2017.*

Công ty đã gửi các thành viên HĐQT Thư mời họp HĐQT lần 02 ngày 11-3-2017, nội dung thư mời họp vào ngày 27-3-2017.

Công ty đã gửi các thành viên HĐQT Thư mời họp HĐQT lần 03 ngày 22-4-2017, nội dung thư mời họp vào ngày 09-5-2017".

Tại khoản 8 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: *"Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ* ***ba phần tư tổng số thành viên*** *trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai* ***trong thời hạn 07 ngày, kể từ***

ngày dự định họp lần thứ nhất, *trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành,* ***nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp".***

Cuộc họp lần thứ nhất được triệu tập vào ngày 15-3-2017, cuộc họp lần thứ hai triệu tập vào ngày 27-3-2017, cuộc họp lần thứ ba triệu tập vào ngày 09-5-2017. Như vậy, các lần triệu tập họp lần thứ hai, lần thứ ba của Chủ tịch HĐQT Công ty C đều đã quá thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Do đó, việc triệu tập cuộc họp vào ngày 09-5-2017 của Chủ tịch HĐQT Công ty C được xem là triệu tập cuộc họp lần đầu.

Căn cứ quy định tại khoản 8 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 12.6 Điều lệ của Công ty quy định cuộc họp lần đầu chỉ tiến hành khi có ¾ tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Tại cuộc họp HĐQT ngày 09-5-2017 (lần đầu) là cuộc họp lần đầu của Công ty C, do đó phải có ¾ thành viên HĐQT tham dự. Ngày 09-5-2017, chỉ có ông Nguyễn Thành Đ và bà M Mowrey dự họp là không đủ điều kiện tiến hành cuộc họp và thông qua quyết định của HĐQT. Do đó, cuộc họp HĐQT ngày 09-5-2017 của Công ty C không đủ điều kiện tiến hành theo quy định nêu trên.

Như vậy, Phòng ĐKKD thuộc Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Nam đã không xem xét hồ sơ một cách đầy đủ, kỹ lưỡng nên khi nhận hồ sơ đăng ký thay đổi của Công ty C đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 4000450817, đăng ký thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty W là có căn cứ.

[3.3]. Xét Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 14-7-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Căn cứ vào đơn đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; đồng thời, xét thấy cần thiết phải tạm dừng mọi hoạt động kinh doanh của Công ty C do người đại diện theo pháp luật bị thay đổi. Do đó, ngày 14-7-2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT bằng hình thức: Tạm đình chỉ việc thi hành hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty C (mã số doanh nghiệp 4000450817) - đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20-6-2017 là có cơ sở. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử phúc thẩm thì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không cần thiết. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 14-7-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (có quyết định kèm theo bản án).

[3.4]. Về việc Thông báo về thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

Hiện nay, Công ty C chưa thực hiện việc Thông báo về thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong Công ty cổ phần chưa niêm yết là vi phạm quy định tại Điều 52 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu Công ty C phải thực hiện ngay việc Thông báo về thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đến Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Quảng Nam là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm:

- Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Người bị kiện, đồng thời là người kháng cáo được triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba, nhưng vắng mặt (lý do xin hoãn phiên tòa không chính đáng). Vì vậy, số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm được sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 225, d khoản 1 Điều 229, khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của người bị kiện

- Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2017/HCST ngày 15-11-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Áp dụng khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 230 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 84, Điều 87 của Luật doanh nghiệp năm 2005; Điều 153, Điều 154 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Công ty X (Ư), xử:

+ Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 4000450817, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20-6-2017 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 4000450817, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 31-3-2017 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

3. Quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và việc hoàn trả tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm cho Công ty X được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2017/HCST ngày 15-11-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 349; khoản 1, 8 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000086 ngày 08-12-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam, nay được chuyển thành án phí phúc thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

- Sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, do bà Huỳnh Thị Mỹ N nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000081 ngày 01-12-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

5. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSND cấp cao tại Đà nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Cường